

CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM
TRUNG TÂM PHỐI HỢP TÌM KIẾM CỨU NẠN
HÀNG HẢI KHU VỰC III -
CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA KHU VỰC IV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 505 /QC- TKCNKVIII-CVĐTNDIV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 8 năm 2026

QUY CHẾ

**Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển
thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 của Thủ tướng Chính Phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 01/2026/TT-BXD ngày 07 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Tây Ninh, tỉnh Đồng Tháp và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh;

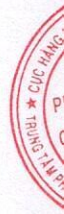
Căn cứ Thông tư số 07/2026/TT-BXD ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Bộ Xây dựng: Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận thành phố Cần Thơ, tỉnh Vĩnh Long và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 351/QĐ-BXD ngày 13/3/2026 của Bộ Xây dựng về việc giao khu vực quản lý thuộc vùng nước cảng biển và khu vực hàng hải đã được công bố cho Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực III và Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV;

Căn cứ Quyết định số 2551/QĐ-CHHĐTVN ngày 02/12/2025 của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn hàng hải của Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực III;

Căn cứ ý kiến thống nhất giữa hai (02) đơn vị: Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải khu vực III (gọi tắt là Trung tâm khu vực III) với Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV về việc thông qua Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn (TKCN) trên biển và trong vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV với các nội dung cụ thể như sau:

Sara
- 5/5
- 4/5
- 0/5
- 1/5
- 2/5
- 3/5
- 4/5
- 5/5



Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này thống nhất về nguyên tắc, trách nhiệm, nội dung và cơ chế phối hợp hoạt động TKCN giữa Trung tâm khu vực III với Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV trong việc phối hợp hoạt động TKCN trên biển và trong các vùng nước cảng biển thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Trung tâm khu vực III, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV (sau đây gọi tắt là Hai Bên) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động hàng hải trên biển và trong vùng nước cảng biển thuộc trách nhiệm quản lý của các Bên.

Điều 3. Nguyên tắc chung trong hoạt động phối hợp

1. Công tác phối hợp của các Bên phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phạm vi trách nhiệm của mỗi Bên (theo Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan của).

2. Các Bên có trách nhiệm tổ chức công tác thường trực 24/7 để tiếp nhận và xử lý kịp thời các thông tin báo nạn; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ, trao đổi thông tin kịp thời và hỗ trợ nhau trong giải quyết công việc.

3. Hoạt động phối hợp TKCN phải đảm bảo an toàn cho người và phương tiện tham gia hoạt động TKCN; ưu tiên các hoạt động cứu người bị nạn, bảo vệ môi trường và hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải trong khu vực.

4. Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV chịu trách nhiệm chủ trì, điều hành hoạt động phối hợp TKCN trong phạm vi vùng nước cảng biển thuộc trách nhiệm quản lý; Trung tâm khu vực III có trách nhiệm tham gia phối hợp theo đề nghị của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV.

5. Trung tâm khu vực III chịu trách nhiệm chủ trì, điều hành hoạt động phối hợp TKCN trên biển ngoài phạm vi vùng nước cảng biển thuộc trách nhiệm chủ trì của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV; Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV có trách nhiệm tham gia phối hợp theo đề nghị của Trung tâm khu vực III.

6. Các Bên thống nhất trong việc chỉ huy, phối hợp hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng, phương tiện tham gia TKCN để đạt hiệu quả cao nhất.

7. Công tác phối hợp TKCN phải tận dụng và phát huy mọi nguồn lực, cơ sở hạ tầng, phương tiện, thiết bị tại địa phương; thực hiện phương châm “4 tại chỗ” để nâng cao hiệu quả hoạt động TKCN.

8. Thống nhất phối hợp xử lý tình huống nhanh chóng, kịp thời các thông tin liên quan đến cứu nạn, phối hợp hoạt động cứu hộ; ưu tiên tiếp nhận, xử lý thông tin TKCN; phối hợp trong công tác xử lý hậu quả sau tai nạn, sự cố; phối hợp trong công tác huấn luyện, đào tạo, thực tập, diễn tập,...

9. Tùy vào vị trí, khu vực tàu, người bị nạn; tính chất, mức độ tai nạn và yêu cầu huy động lực lượng ..., các cơ quan, đơn vị phối hợp TKCN có thể là một số hoặc bao gồm: Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh, Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ; các Đài Thông tin duyên hải Hồ Chí Minh, Cần Thơ; Ban chỉ huy Phòng thủ dân sự các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang (gọi tắt là Ban chỉ huy PTDS các địa phương liên quan); Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng các tỉnh Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang (gọi tắt là BCH Bộ đội Biên phòng các địa phương liên quan); BTL Vùng Cảnh sát biển 3; BTL Vùng 2 Hải Quân; Chi nhánh công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải Miền Nam - Hoa tiêu I, Hoa tiêu V; chủ tàu; doanh nghiệp tàu dịch vụ; doanh nghiệp kinh doanh, khai thác cảng và các đơn vị khác theo yêu cầu của cơ quan chủ trì TKCN.

Điều 4. Lực lượng, phương tiện tham gia TKCN

1. Lực lượng, phương tiện thuộc quyền quản lý của Hai Bên.
2. Lực lượng, phương tiện hoạt động trong vùng nước cảng biển thuộc khu vực quản lý của Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV.
3. Lực lượng, phương tiện được huy động theo yêu cầu của Ban chỉ đạo PTDS quốc gia; Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam; Ban chỉ huy PTDS các địa phương liên quan khi có tai nạn, sự cố xảy ra.

Điều 5. Phương thức thông tin tìm kiếm, cứu nạn

1. Thông tin qua các Đài Thông tin duyên hải.
2. Các thiết bị thông tin liên lạc hiện có của các Bên.
3. Các thiết bị thông tin liên lạc của cơ quan, doanh nghiệp và tàu thuyền hoạt động trong khu vực, gồm: VHF, MF/HF, Điện thoại, Fax
4. Tất cả các lực lượng, phương tiện khi tham gia hoạt động TKCN thống nhất phương thức liên lạc như sau:
 - Kênh liên lạc: Kênh 16 VHF và tần số 7903 KHz MF/HF.
 - Kênh làm việc: Kênh 12 VHF và tần số 7903 KHz MF/HF hoặc kênh khác theo chỉ định của đơn vị chủ trì hoặc Chỉ huy hiện trường.

- Điện thoại, Fax: Theo danh bạ điện thoại các đơn vị cung cấp.

Điều 6. Tổ chức huấn luyện, diễn tập TKCN

1. Tùy theo tình hình, điều kiện cụ thể, hàng năm các Bên chủ động phối hợp tổ chức diễn tập các tình huống giả định; tổ chức huấn luyện nghiệp vụ TKCN cho cán bộ, viên chức, công chức của mỗi Bên.

2. Trung tâm khu vực III, Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức diễn tập TKCN trên biển và trong vùng nước cảng biển theo kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 7. Thanh toán chi phí tìm kiếm, cứu nạn

Kinh phí bảo đảm cho hoạt động TKCN trên biển và trong vùng nước cảng biển do ngân sách nhà nước cấp và được thanh toán theo quy định.

Chương II

PHỐI HỢP XỬ LÝ THÔNG TIN TÌM KIẾM CỨU NẠN

Điều 8. Tiếp nhận thông tin báo nạn

Các Bên có trách nhiệm duy trì chế độ trực ban TKCN phù hợp với đặc điểm tình hình hoạt động của đơn vị mình, đảm bảo tiếp nhận đầy đủ, kịp thời các thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố trên biển và trong vùng nước cảng biển theo phạm vi quản lý của mỗi Bên, như:

1. Tên phương tiện bị nạn, số IMO, hồ hiệu/số đăng ký, quốc tịch, mã nhận dạng hàng hải (MMSI) hoặc nhận dạng khác.
2. Thời gian và vị trí bị nạn.
3. Tính chất tai nạn.
4. Yêu cầu trợ giúp cứu người gặp nạn hoặc lai dắt, cứu hộ phương tiện và yêu cầu khác (nếu có).
5. Tên, địa chỉ và phương thức liên lạc với tàu bị nạn, chủ phương tiện hoặc với đại diện của chủ phương tiện.
6. Các thông tin hữu ích khác: Số lượng và tình trạng sức khỏe của thuyền viên, người trên phương tiện; số lượng hàng hóa; số lượng nhiên liệu; tuyến hành trình, tình hình thời tiết, cấp sóng gió tại khu vực bị nạn; thiết bị thông tin, thiết bị cứu sinh.

Điều 9. Xác minh thông tin

1. Trực ban các Bên có trách nhiệm xác minh về tính xác thực của thông tin báo nạn chuyển đến bằng các biện pháp nghiệp vụ như: liên lạc trực tiếp với các đầu mối cung cấp thông tin, chủ tàu ... Trong trường hợp cần thiết, đề cử người đến hiện trường để xác minh, đánh giá tính chất của thông tin báo nạn.

2. Sau khi xác minh thông tin, trực ban phải báo cáo ngay cho Lãnh đạo để xử lý và thông báo kịp thời đến các Bên, đơn vị liên quan được biết để phối hợp xử lý khi có yêu cầu.

3. Trực ban các Bên phải thường xuyên cập nhật thông tin về tình hình khí tượng thủy văn; Số lượng, vị trí, tình trạng hoạt động và khả năng cơ động của các phương tiện đang hoạt động trong khu vực để phục vụ huy động tham gia TKCN khi cần thiết.

Điều 10. Xử lý thông tin báo nạn

1. Đối với thông tin báo nạn giả: Là thông tin báo nạn mà sau khi xác minh được là không có thật. Bên tiếp nhận thông tin sẽ thông báo kết quả xử lý đến Bên còn lại được biết và thông báo đến các cơ quan liên quan theo quy định.

Trong trường hợp thông tin báo nạn giả do các phương tiện đang hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc trên biển, các Bên có trách nhiệm yêu cầu Thuyền trưởng tàu phải hủy ngay thông tin báo nạn đã phát và xem xét, xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

2. Đối với thông tin báo nạn thật:

Là thông tin báo nạn mà sau khi xác minh được là có thật. Xác định mức độ khẩn cấp của thông tin, các bên sẽ quyết định áp dụng biện pháp phù hợp tiếp theo, đảm bảo nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.

3. Thông tin báo nạn không xác định:

Là thông tin báo nạn mà sau khi xác minh nhưng không thể khẳng định được là báo nạn thật hay giả. Bên tiếp nhận sẽ tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan để xác minh, tổ chức theo dõi và sẽ quyết định áp dụng biện pháp phù hợp tiếp theo.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN TRONG TỔ CHỨC, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM CỨU NẠN

Điều 11. Tổ chức, điều hành hoạt động TKCN trong vùng nước cảng biển

Khi phát sinh hoạt động TKCN trong vùng nước cảng biển, Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV có trách nhiệm:

1. Chủ trì, huy động mọi lực lượng, phương tiện, trang thiết bị hiện có trong khu vực vùng nước cảng biển quản lý để tổ chức thực hiện hoạt động TKCN đối với người, phương tiện bị nạn.

2. Thông báo kịp thời đến Trung tâm khu vực III để huy động lực lượng, phương tiện chuyên dụng TKCN của Trung tâm khu vực III tham gia phối hợp hoạt động TKCN khi có yêu cầu.

3. Chỉ định Chỉ huy hiện trường và yêu cầu các Đài Thông tin duyên hải phát thông tin TKCN theo quy định.

4. Tổ chức điều tiết giao thông, thông báo về tai nạn hàng hải, phân luồng giao thông, tạm thời cấm hoặc hạn chế tàu thuyền hành trình qua khu vực đang tiến hành hoạt động TKCN.

5. Giữ liên lạc thường xuyên với Chỉ huy hiện trường để chỉ đạo hoạt động, phân công khu vực tìm kiếm cho các phương tiện tham gia hoạt động TKCN tại hiện trường; hướng dẫn y tế, các kỹ thuật cần thiết từ xa khi Chỉ huy hiện trường báo cáo cần trợ giúp.

6. Tùy theo vị trí xảy ra tai nạn tiến hành thông báo kịp thời đến Ban chỉ huy PTDS các địa phương có liên quan để phối hợp xử lý vụ việc theo quy định.

7. Là đơn vị cung cấp thông tin chính thống liên quan đến việc TKCN.

8. Thành lập ban chỉ huy tiền phương (nếu cần) theo quyết định của cấp có thẩm quyền để tham mưu, xây dựng phương án phối hợp với các lực lượng tổ chức ứng cứu một cách hiệu quả.

9. Lập danh sách các nạn nhân bị nạn, cập nhật tình hình tìm kiếm nạn nhân tại hiện trường. Chủ trì bàn giao nạn nhân được cứu cho các cơ quan liên quan và đại diện chủ tàu.

10. Cung cấp đầy đủ thông tin về điều kiện khí tượng thủy văn, đặc tính kỹ thuật của luồng, độ sâu trong khu vực cho các lực lượng tham gia TKCN.

11. Trường hợp vượt quá khả năng của các lực lượng tại hiện trường, phải báo cáo ngay Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và đề xuất Ủy ban nhân dân địa phương liên quan để huy động lực lượng hỗ trợ kịp thời.

12. Tùy theo tình hình thực tế, Giám đốc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV tổ chức họp tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm trong hoạt động TKCN trong vùng nước cảng biển sau các vụ việc lớn hoặc định kỳ hằng năm.

Điều 12. Tổ chức, điều hành hoạt động TKCN trên biển và ngoài vùng nước cảng biển

Khi phát sinh hoạt động TKCN trên biển, ngoài vùng nước cảng biển thuộc Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV quản lý, Giám đốc Trung tâm khu vực III có trách nhiệm:

1. Chủ trì, tổ chức thực hiện hoạt động TKCN đối với người, phương tiện bị nạn.

2. Thông báo kịp thời đến Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV để được hỗ trợ xác minh thông tin và đề xuất huy động lực lượng, phương tiện hiện có trong khu vực vùng nước cảng biển tham gia hoạt động TKCN.

3. Chỉ định Chỉ huy hiện trường và yêu cầu các Đài Thông tin duyên hải phát thông tin TKCN theo quy định.

4. Giữ liên lạc thường xuyên với Chỉ huy hiện trường để chỉ đạo hoạt động, phân công khu vực tìm kiếm cho các phương tiện tham gia hoạt động TKCN tại hiện trường; hướng dẫn y tế, các kỹ thuật cần thiết từ xa khi Chỉ huy hiện trường báo cáo cần trợ giúp.

5. Tùy theo vị trí xảy ra tai nạn tiến hành thông báo kịp thời đến Ban chỉ huy PTDS các địa phương liên quan để phối hợp xử lý vụ việc theo quy định.

6. Là đơn vị cung cấp thông tin chính thống liên quan đến việc TKCN.

7. Trong trường hợp vượt quá khả năng ứng cứu của các lực lượng tại hiện trường, phải báo cáo ngay Trung tâm phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam để đề xuất huy động lực lượng hỗ trợ kịp thời.

8. Giám đốc Trung tâm khu vực III tổ chức họp tổng kết, đánh giá và rút kinh nghiệm trong hoạt động TKCN trên biển định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo từng sự vụ.

Điều 13. Trách nhiệm của chỉ huy hiện trường.

- Phối hợp với đơn vị chủ trì để lập kế hoạch và triển khai thực hiện hoạt động TKCN tại hiện trường.

- Chỉ huy điều hành các phương tiện tham gia tại hiện trường theo kế hoạch.

- Duy trì thông tin liên lạc, thường xuyên báo cáo đơn vị chủ trì các thông tin liên quan đến: Điều kiện thời tiết tại khu vực hiện trường; các khu vực đã được tìm kiếm; thời gian đến và rời hiện trường của các phương tiện tham gia TKCN; kết quả hoạt động tìm kiếm và những lưu ý khác (nếu có).

- Đề xuất đơn vị chủ trì bổ sung, thay đổi kế hoạch cho phù hợp với điều kiện thực tế hay tạm dừng hoặc chấm dứt hoạt động TKCN.

Điều 14. Tạm dừng hoạt động TKCN

1. Khi hoạt động TKCN mới chỉ thực hiện được một phần, còn nạn nhân mất tích nhưng thời gian hoạt động TKCN đã kéo dài, việc tiếp tục triển khai hoạt động TKCN là không có hiệu quả hoặc không thể thực hiện được do điều kiện khách quan tại hiện trường; đơn vị chủ trì sẽ báo cáo và đề xuất tạm dừng hoạt động TKCN với cấp có thẩm quyền.

2. Khi có sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, đơn vị chủ trì sẽ thông báo cho các cơ quan, lực lượng đang tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ TKCN tại hiện trường tạm dừng hoạt động TKCN.

3. Đơn vị chủ trì tiếp tục nắm bắt tình hình, cập nhật các thông tin liên quan, điều kiện thực tế cho phép để đề xuất tiến hành nối lại hoạt động TKCN (nếu có).

Điều 15. Kết thúc hoạt động TKCN

1. Kết quả hoạt động TKCN khi đã tìm, cứu và chuyển toàn bộ số người bị nạn (kể cả người chết, bị thương) đến vị trí an toàn hoặc việc nối lại hoạt động TKCN của sự việc đã tạm dừng trước đó là không thể thực hiện được thì hoạt động TKCN có thể kết thúc. Đơn vị chủ trì sẽ ra quyết định kết thúc hoạt động TKCN và gửi thông báo kết thúc tới các đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan tham gia hoạt động TKCN.

2. Chỉ huy hiện trường xác nhận các giấy tờ, tài liệu liên quan đến thời gian của các phương tiện tham gia hoạt động TKCN tại hiện trường. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổng hợp chi phí trình cấp có thẩm quyền xem xét và đề xuất thanh toán theo quy định.

3. Căn cứ kết quả hoạt động TKCN của từng sự vụ, tình huống cụ thể, đơn vị chủ trì sẽ tổ chức cuộc họp nhận xét, đánh giá thực tế công tác chỉ huy, điều hành hoạt động nhằm rút ra những thuận lợi, khó khăn vướng mắc cần khắc phục trong công tác phối hợp TKCN.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thực hiện

1. Trung tâm khu vực III và Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể hàng năm; Hai Bên sẽ chủ động phối hợp tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện; sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế trong hoạt động phối hợp TKCN.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, chưa phù hợp thì Hai Bên tham gia ký kết Quy chế phải kịp thời thông báo để cùng bàn bạc, thống nhất phương án xử lý cho phù hợp.

3. Quy chế này được lập thành 07 bản, có giá trị pháp lý như nhau; mỗi bên giữ 01 bản để tổ chức thực hiện. Đồng thời, gửi 01 bản cho Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam; UBND các tỉnh: Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang; Trung tâm Phối hợp tìm kiếm, cứu nạn hàng hải Việt Nam để theo dõi, chỉ đạo./.

**CẢNG VỤ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA
KHU VỰC IV**
GIÁM ĐỐC



**GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN MINH**

**TRUNG TÂM PHỐI HỢP TKCN
HÀNG HẢI KHU VỰC III**
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bảo Anh

Nơi nhận:

- UBND các tỉnh: Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang (để b/cáo);
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam (để b/cáo);
- Trung tâm phối hợp TKCN hàng hải Việt Nam (để b/cáo);
- Ban chỉ huy PTDS các tỉnh: Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang (để p/h);
- BCH Bộ đội Biên phòng các tỉnh: Vĩnh Long, Đồng Tháp và An Giang (để p/h);
- Các Đài Thông tin duyên hải (để p/h);
- Đăng tải trang Thông tin của Cảng vụ ĐTNĐ khu vực IV (phổ biến);
- Lưu: VT.

Phụ lục

THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ LIÊN QUAN
TRONG CÔNG TÁC PHỐI HỢP TÌM KIẾM CỨU NẠN
(Kèm theo quy chế phối hợp số: 505 / QC-TKCNKVIII-CVĐTNDIV
ngày 20 tháng 8 năm 2026)

I. ĐƠN VỊ THAM GIA KÝ KẾT

Số TT	Tên đơn vị	Điện thoại/Fax Trục ban	Người phụ trách	Điện thoại
1	Cảng vụ Đường thủy nội địa khu vực IV	ĐT: 0277.3891190	- Trần Văn Minh: GĐ - Nguyễn Ngọc Dũng: PGĐ	0938.526682 0918.833488
1.1	Phòng An toàn	Fax: 0277.3891189	Nguyễn Thái Phước Toàn: TP	0914.810818
1.2	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng		Nguyễn Hữu Tân: TP	0986.491008
1.3	Đại diện Bến Tre		Nguyễn Thành Hải: TĐD	0913.211218
1.4	Đại diện Sa Đéc	ĐT: 02773761641	Trần Văn Quý; TĐD	0817.113700
1.5	Đại diện Vĩnh Long	ĐT: 02703 910076	Nguyễn Văn Hai: TĐD	0939.012045
1.6	Đại diện Vĩnh Xương – Thường Phước	ĐT: 02963.535368	Nguyễn Xuân Đại: TĐD	0988.641807
1.7	Đại diện Long Xuyên	ĐT: 02962211034	Đào Anh Kiệt: TĐD	0913.781296
1.8	Đại diện Châu Phú		Đinh Văn Khởi: TĐD	0917.548081
1.9	Đại diện Thốt Nốt		Nguyễn Thị Kim Duyên: TĐD	0985.940586
1.10	Đại diện Sóc Trăng	ĐT: 02993.812.156	Trần Văn Tuấn: TĐD	0948.793388
1.11	Đại diện Vị Thanh	ĐT: 0293.3870784	Lê Ngọc Triều: TĐD	0888.553466
1.12	Đại diện Long Đức	ĐT: 0294.3746199	Chung Anh Vũ: TĐD	0913.791001
2	Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực III	ĐT: 0254.3850.950 0254.3510.285	- Nguyễn Bảo Anh: GĐ - Lương Trường Phi: PGĐ	0854.628888 0903.954282
2.1	Phòng Nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn	Fax: 0254.3810.353	Bùi Ngọc Trí: PTP	0908.217464
2.2	Tàu SAR 413	ĐT vệ tinh: 00870.764057241	Đinh Xuân Trường: TTr	0902.290879
2.3	Tàu SAR 272	ĐT vệ tinh: 00870.763223970	Nguyễn Văn Độ: TTr	0988.177028

II. CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

TT	Tên đơn vị	Điện thoại/Fax Trục ban	Người phụ trách	Điện thoại
1	Ban chỉ huy PTDS tỉnh Vĩnh Long	ĐT: 0270.3827635 Fax: 0270.3827635		
2	Ban chỉ huy PTDS tỉnh Đồng Tháp	ĐT: 0277.6289884	Võ Thị Thùy Linh	0962.097796

3	Ban chỉ huy PTDS tỉnh An Giang	ĐT: 0296.3852935 Fax: 0296.3857573		
4	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Vĩnh Long			
5	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh Đồng Tháp	ĐT: 0275.3822361 Fax: 0275.3510330	Đoàn Minh Trung	0946.857343 0967.934949
	Đồn Biên phòng Cửa Đại		Nguyễn Hoàng Minh	0977.229039
	Đồn Biên phòng cửa Hàm Luông		Lê Hoài Sang	0978.463725
	Đồn Biên phòng cửa Cổ Chiên		Trần Văn Hiên	0968.448718
6	BCH Bộ đội Biên phòng tỉnh An Giang			
7	Hoa tiêu KV I	ĐT: 028.39404593 Fax: 028.39404422		
8	Hoa tiêu KV V	ĐT: 0292.3821642		
9	BTL Vùng 2 Hải Quân		Nguyễn Thanh Hải	0981.883776
10	BTL Vùng Cảnh sát Biển 3	ĐT: 0254.3626293 Fax: 0254.3554695		
11	Đài thông tin duyên hải Hồ Chí Minh	ĐT: 028.39404581 028.39413884 Fax: 028.39404581		
12	Đài thông tin duyên hải Cần Thơ	ĐT: 0292.3881169 Fax: 0292.3841240		
13	Đài thông tin duyên hải Vũng Tàu	ĐT: 0254.3852890 Fax: 0254.3811596		